

NHẬN THỨC VỀ NGHỀ NGHIỆP CỦA NHÓM GIẢNG VIÊN TRẺ Ở CÁC TRƯỜNG CAO ĐẲNG - ĐẠI HỌC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lê Thị Linh Trang

Trường Cán bộ thành phố Hồ Chí Minh.

1. Đặt vấn đề

Tại các trường CD – ĐH ở thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) hiện nay đội ngũ giảng viên (GV) đang dần được trẻ hóa, kế thừa và từng bước thay thế các thế hệ đi trước. Những GV trẻ khi tham gia hoạt động nghề nghiệp của mình, họ không chỉ cung cấp, trang bị những nội dung tri thức trong một lĩnh vực chuyên môn nhất định, mà còn góp phần hình thành những phẩm chất nhân cách cho người học. Nguồn GV trẻ này phần lớn là do nhà trường lựa chọn từ những sinh viên có thành tích tốt trong học tập, rèn luyện, và nghiên cứu khoa học trước đó, được giữ lại trường, và bồi dưỡng thêm về mặt nghiệp vụ giảng dạy. Vì vậy, họ không phải là những người được đào tạo để làm GV. Trong điều kiện đó, các GV trẻ tham gia vào hoạt động giảng dạy với sự đa dạng trong nhận thức về nghề.

Nhận thức là một trong ba mặt cơ bản trong đời sống tâm lý con người: nhận thức – tình cảm – ý chí. Nhận thức đúng về nghề nghiệp làm cơ sở cho tình cảm, ý chí, quan điểm, lập trường tư tưởng... và hành động đúng của cá nhân. Nghề nghiệp là một lĩnh vực tồn tại khách quan, muốn chiếm lĩnh nghề nghiệp và phát triển nghề nghiệp thì trước hết mỗi người phải tự nhận thức được về nghề mà mình theo đuổi. Trong nghiên cứu này, chúng tôi quan niệm: Nhận thức về nghề nghiệp là quá trình phản ánh các đặc trưng cơ bản của nghề, những yêu cầu của xã hội đối với nghề nghiệp, và những yêu cầu đòi hỏi về các mặt tâm sinh lý đối với người làm nghề; và cũng là sự phản ánh quá trình lao động trong lĩnh vực nghề nghiệp nhất định.

2. Phương pháp và khách thể nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu chủ yếu là phỏng vấn sâu, phiếu câu hỏi mở, trò chuyện; quan sát. Trong câu hỏi, nhận thức của khách thể được phân biệt ở 3 mức độ: Mức độ 1: hiểu biết rõ; Mức độ 2: biết tương đối; Mức độ 3: không biết, hoặc mơ hồ.

Khách thể nghiên cứu bao gồm 37 GV có tuổi đời dưới 35 và tuổi nghề dưới 10 năm ở một số trường CD-ĐH tại TP.HCM, cụ thể là: Trường ĐH Bách Khoa TP.HCM; Trường ĐH Sài Gòn TP.HCM; Trường ĐH Kinh Tế TP.HCM; Trường CD Văn Hóa Nghệ Thuật TP.HCM.

Nghiên cứu được tiến hành vào tháng 3 năm 2009.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Nhận thức về đặc điểm của lao động sư phạm

Bảng 1: Nhận thức của GV trẻ về đặc điểm của lao động sư phạm

Nội dung nhận thức	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
1. Mục đích của nghề là giáo dục thế hệ trẻ một cách toàn diện và hài hòa	9 24.3%	15 40.6%	13 35.1%
2. Đối tượng của nghề là:			
- Con người (không phải vật chất)	36 97.3%	1 2.7%	0 0%
- Thế hệ trẻ đang trưởng thành	18 48.6%	15 40.6%	4 10.8%
- Là chủ thể của hoạt động học	8 21.6%	16 43.3%	13 35.1%
3. Công cụ lao động của nghề:			
- Tri thức	32 86.5%	5 13.5%	0 0%
- Các dạng hoạt động	1 2.7%	16 43.2%	20 54.1%
- Nhân cách GV	5 13.5%	15 40.5%	17 46.0%
- Phương tiện kỹ thuật	31 83.8%	6 16.2%	0 0%
4. Sản phẩm của nghề là những con người có sự chuyển biến sâu sắc về nhân cách (trưởng thành)	4 10.8%	14 37.8%	19 51.4%
5. Thời gian và không gian lao động không cố định	21 56.8%	14 37.8%	2 5.4%

Đặc điểm lao động của một GV – lao động sư phạm – cần phải được các GV trẻ ý thức đầy đủ và sâu sắc, vì họ là những người đóng vai trò chủ đạo trong quá trình giáo dục thế hệ trẻ ở trường CD-ĐH, giúp cho người học chuẩn

bị những năng lực và phẩm chất cần thiết để bước vào đời theo yêu cầu của xã hội ở những giai đoạn nhất định.

Qua bảng 1 cho thấy nhận thức của GV trẻ về đặc điểm lao động của nghề sư phạm là chưa đầy đủ. Có những đặc điểm khách thể nhận thức ở mức độ hiểu biết rõ chiếm tỉ lệ cao, như là: đối tượng lao động là con người; phương tiện lao động là tri thức, là kỹ thuật. Tuy nhiên, còn nhiều đặc điểm quan trọng khác khách thể nhận thức chưa tốt, như là mục tiêu, sản phẩm của nghề; đối tượng hoạt động cũng là một chủ thể, chủ thể của hoạt động học.

Đặc biệt, khi thực hiện phỏng vấn khách thể, người nghiên cứu nhận thấy một số GV trẻ hoàn toàn không biết nhân cách của GV là một công cụ lao động quan trọng. Điều này được thể hiện ở tỉ lệ khá cao nhận thức ở mức độ 3 và mức độ 2 trong bảng 1.

3.2. Nhận thức về ý nghĩa xã hội của nghề

Nhận thức về ý nghĩa xã hội của nghề nghiệp là một yếu tố tạo nên ý thức nghề nghiệp của GV, góp phần hình thành thái độ đúng đắn khi làm nghề và biết chú trọng đến việc giữ gìn danh dự nghề nghiệp. Trong xã hội Việt Nam, phần lớn mọi người đều biết đến vai trò to lớn và ý nghĩa cao quý của nghề dạy học. Đối với các GV trẻ, nhận thức cụ thể của họ về ý nghĩa, vai trò này như thế nào trong cả môi trường làm việc lẫn ngoài xã hội?

Bảng 2: Nhận thức của GV trẻ về ý nghĩa xã hội của nghề

Nội dung nhận thức	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
1. Nghề dạy học là một nghề cao quý, được xã hội coi trọng	30 81.1%	7 18.9%	0 0%
2. Công việc của GV là thực hiện sự nghiệp “trồng người”, đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội	19 51.4%	8 21.6%	10 27%
3. Năng lực và phẩm chất của đội ngũ GV quyết định chất lượng đào tạo trong nhà trường	25 67.6%	6 16.2%	6 16.2%
4. Đội ngũ GV là lực lượng cốt cán trong việc xây dựng nền tảng văn hóa, truyền bá lý tưởng và đạo đức cách mạng cho thế hệ trẻ	5 13.5%	13 35.1%	19 51.4%

Kết quả nghiên cứu cho thấy GV trẻ nhận thức về ý nghĩa xã hội của nghề là khá tốt. Phần lớn khách thể nhận thức ở mức độ 1 – hiểu biết rõ về sự trọng vọng và kỳ vọng của xã hội đối với nghề này, nhận thức khá tốt về vai trò của họ đối với chất lượng đào tạo của nhà trường. Tuy nhiên, trong đó GV trẻ vẫn còn nhận thức thấp về vai trò, ý nghĩa của công việc mà họ đang làm đối với việc xây dựng nền tảng văn hóa xã hội, góp phần truyền bá lý tưởng và đạo

đức cách mạng cho thế hệ trẻ. Một số GV cho rằng việc này là của các nhà chính trị và quản lý nhà nước, GV chỉ cần chú trọng dạy về chuyên môn nên họ chưa nhận thức được nội dung thứ 4 trong bảng 2.

3.3. Nhận thức về yêu cầu đối với nhân cách GV

Bảng 3: Nhận thức của GV trẻ về yêu cầu đối với nhân cách GV

Nội dung nhận thức		Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3
1.	Phẩm chất chính trị - đạo đức:			
-	Quan điểm đúng đắn, thế giới quan duy vật biện chứng	10 27.0%	6 16.2%	21 56.8%
-	Niềm tin khoa học, niềm tin nghề nghiệp	22 59.5%	6 16.2%	9 24.3%
-	Lý tưởng nghề nghiệp	30 81.1%	4 10.8%	3 8.1%
-	Lòng yêu người, yêu nghề	22 59.5%	7 18.9%	8 21.6%
-	Khiêm tốn	11 29.7%	10 27.0%	16 43.3%
-	Tinh thần cầu tiến, học hỏi	20 54.1%	15 40.5%	2 5.4%
-	Tính tổ chức, kỷ luật, tự chủ	6 16.2%	11 29.7%	20 54.1%
-	Tính sáng tạo, mềm dẻo, linh hoạt	14 37.8%	13 35.2%	10 27.0%
2.	Phẩm chất năng lực:			
-	Năng lực chuyên môn (trình độ sau đại học)	35 94.6%	2 5.4%	0 0%
-	Năng lực giảng dạy, trình bày diễn đạt	35 94.6%	2 5.4%	0 0%
-	Năng lực giao tiếp, ứng xử sư phạm	26 70.3%	8 21.6%	3 8.1%
-	Năng lực tư duy (độc lập, sáng tạo)	29 78.4%	4 10.8%	4 10.8%
-	Năng lực nghiên cứu khoa học	13 35.1%	13 35.1%	11 29.7%
-	Năng lực tự học, tự đào tạo	20 54.1%	14 37.8%	3 8.1%
-	Năng lực tổ chức hoạt động	6 16.2%	9 24.3%	22 59.5%

Nghề nghiệp nào cũng đòi hỏi những người tham gia làm nghề phải có những năng lực, phẩm chất nhất định phù hợp với yêu cầu của nó. Để tham gia

vào lĩnh vực dạy học – đặc biệt là ở môi trường CĐ-ĐH, GV trẻ phải có những phẩm chất nhân cách cụ thể, phù hợp. Ngoài ra, với công việc này, các phẩm chất nhân cách còn là công cụ lao động của các GV. Việc nhận thức được các yêu cầu đối với nhân cách sẽ định hướng cho các GV trẻ trong việc rèn luyện bản thân cho phù hợp với lĩnh vực nghề nghiệp họ đã chọn.

Kết quả ở bảng 3 cho thấy các GV trẻ trong nghiên cứu này nhận thức khá tốt yêu cầu về mặt năng lực trong nhân cách của GV, nhất là các năng lực chuyên môn, giảng dạy, trình bày diễn đạt... Tuy nhiên, cũng có năng lực mà theo như khách thể thừa nhận qua phỏng vấn là chưa từng biết GV phải có năng lực đó, đó là năng lực tổ chức hoạt động. Và còn một bộ phận GV cũng chưa nhận thức rõ về năng lực nghiên cứu khoa học và năng lực tự học, tự đào tạo mà một GV phải có.

Trong khi khách thể có nhận thức tương đối tốt về yêu cầu đối với năng lực thì nhận thức về các phẩm chất đạo đức – chính trị lại không cao, có yếu tố nhận thức ở mức độ rất thấp. Nhìn vào các con số ở cột mức độ 3 trong bảng 3 sẽ dễ dàng thấy được điều này. Nhiều khách thể thừa nhận chưa từng biết đến yêu cầu về phẩm chất tư tưởng chính trị đối với GV ở trường CĐ-ĐH.

Trong nhận thức về yêu cầu đối với nhân cách GV, phần lớn khách thể thể hiện có hiểu biết chung rằng nghề này yêu cầu cao về mặt phẩm chất, năng lực, tuy nhiên không biết, hoặc chưa biết (không thể kể ra được) những phẩm chất cụ thể như đã đề cập trong bảng 3.

4. Kết luận

Đội ngũ GV trẻ ở trường CĐ-ĐH hiện nay sẽ là lực lượng nòng cốt trong giáo dục và đào tạo đại học trong thời gian sắp tới. Qua nghiên cứu này cho thấy, một bộ phận GV trẻ ở TP.HCM hiện nay có nhận thức về nghề nghiệp còn chung chung, chưa cụ thể, và mức độ nhận thức chưa thật tốt. Các đặc điểm lao động của nghề nghiệp còn chưa được GV trẻ nhận thức đầy đủ. Tham gia vào quá trình đào tạo ở bậc CĐ-ĐH mà họ chưa hiểu biết sâu sắc về mục tiêu của công việc này là góp phần tạo ra những con người trưởng thành về nhân cách để phục vụ cho xã hội. Điều này cũng dẫn đến nhận thức về vai trò, ý nghĩa xã hội của nghề nghiệp cũng chưa trọn vẹn. Đặc biệt là đối với yêu cầu về nhân cách của người làm công tác giảng dạy, các GV trẻ đã có nhận thức tốt về một số mặt năng lực, nhưng nhận thức về yêu cầu đối với phẩm chất đạo đức vẫn còn hạn chế. Những điều này chắc hẳn sẽ có những ảnh hưởng nhất định trong việc định hướng rèn luyện nghề nghiệp của GV trẻ. Phải chăng thực trạng nhận thức này một phần lớn là do những GV trẻ ở các trường CĐ-ĐH hiện nay được tuyển chọn từ nguồn sinh viên giỏi được giữ lại trường, chưa được đào tạo bài bản về nghề nghiệp mà họ đang đảm đương? Cần phải có những tác động để nâng cao hơn nữa nhận thức nghề nghiệp của đội ngũ này.